



Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung

Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2 – 4
Báo cáo của kiểm toán viên độc lập	5 – 6
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động	9 – 10
Báo cáo tài sản	11
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	12
Báo cáo danh mục đầu tư	13 – 15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 – 35

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Thông tin chung**

Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng	02/UBCK-GPQDT	ngày 19 tháng 7 năm 2006
Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư	06/UBCK-DKQDT	ngày 5 tháng 10 năm 2006
Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ	02/UBCK-GPNY	ngày 22 tháng 11 năm 2006

Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư và Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Trụ sở đăng ký
Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Ban Đại Diện Quỹ	Ông Đinh Bá Thành	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Bé	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Phạm Trường Giang	Thành viên
	Ông Thái Nhị Đức	Thành viên
	Ông John Inniss Howell	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ngân hàng Giám sát Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt các báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng theo Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng số 02/UBCK-GPQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006. Theo qui định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 50.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư số 06/UBCK-ĐKQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2006.

Quỹ được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ số 02/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2006, theo đó chứng chỉ quỹ được phép niêm yết và giao dịch với mã chứng khoán là PRUBF1.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”), một công ty được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“Ngân hàng Giám sát”).

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là đầu tư vào một danh mục đầu tư cân bằng có khả năng tạo nguồn thu nhập ổn định đồng thời nâng cao giá trị vốn cho nhà đầu tư. Danh mục đầu tư có thể bao gồm các công cụ nợ và cổ phiếu của các công ty hoạt động tại Việt Nam theo các qui định về chiến lược đầu tư trong điều lệ của Quỹ.

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ

Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 473.294.250.268 Đồng (31/12/2011: 397.228.090.689 Đồng).

Số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 50.000.000 chứng chỉ quỹ (31/12/2011: 50.000.000 chứng chỉ quỹ) và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.466 Đồng (31/12/2011: 7.945 Đồng).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CỎ TỨC

Lãi thuần cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 76.066.159.579 Đồng (2011: lỗ thuần là 38.318.810.616 Đồng).

Trong năm, Quỹ không công bố và chi trả cổ tức.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo của Ban đại diện Quỹ (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán của Quỹ được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG bày tỏ nguyện vọng tiếp tục đảm nhận công việc kiểm toán của Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và qui định kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không, và các sự khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và bảo đảm rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan. Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các gian lận cũng như những vi phạm khác.

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments cam kết họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments:



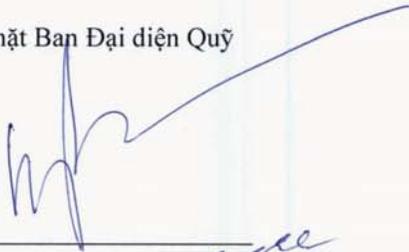
Ông Nguyễn Tuấn Thân Ân
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo của Ban đại diện Quỹ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Đinh Bá Thành, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential (“Quỹ”), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Đinh Bá Thành
Chủ tịch

Ngày 11 tháng 3 năm 2013





KPMG Limited Branch

10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc cùng ngày do Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 7 đến trang 35. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.



Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 2(b) trong báo cáo tài chính trình bày việc Công ty Quản lý Quỹ đang chuẩn bị mọi thủ tục pháp lý cho việc đóng Quỹ vào đúng thời hạn vào ngày 5 tháng 10 năm 2013, tuy nhiên việc gia hạn thêm thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được trình Đại Hội nhà Đầu tư chính thức thông qua trong kỳ họp vào cuối tháng 3 năm 2013. Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày với giả định Quỹ sẽ không tiếp tục hoạt động liên tục.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 01143000345

Báo cáo Kiểm toán số: 12-01-569



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013

Chang Hung Chun

Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0863/KTV

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-QĐT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A – TÀI SẢN				
1. Tiền gửi ngân hàng	110	4	50.642.280.795	38.988.225.635
2. Đầu tư chứng khoán	120	5	415.200.186.450	348.418.361.476
3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	130	6	10.237.821.463	10.900.796.740
TỔNG TÀI SẢN	200		476.080.288.708	398.307.383.851
B – NGUỒN VỐN				
I – NỢ PHẢI TRẢ	300		2.786.038.440	1.079.293.162
1. Phải trả hoạt động đầu tư	311	7	1.539.741.118	-
2. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	312		52.875.000	52.875.000
3. Phải trả cho Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát	315	8	822.592.722	690.388.562
4. Phí kiểm toán	318		321.200.000	321.200.000
5. Phải trả khác và chi phí trích trước phải trả	318		49.629.600	14.829.600
II – NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		473.294.250.268	397.228.090.689
1. Vốn góp của các nhà đầu tư	410	9	500.000.000.000	500.000.000.000
1.1 Vốn góp	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	420		(26.705.749.732)	(102.771.909.311)
TỔNG NGUỒN VỐN	430		476.080.288.708	398.307.383.851

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential

B02-QĐT

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
A/ Xác định kết quả hoạt động đã thực hiện				
I. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10		11.158.615.115	(2.251.758.616)
1. Cổ tức được nhận	11		12.877.945.290	7.675.393.500
2. Lãi trái phiếu được nhận	12		19.570.353.326	7.991.432.629
3. Lãi tiền gửi	13		1.976.971.305	17.507.228.927
4. Lỗ bán chứng khoán	14		(23.266.654.806)	(35.498.417.839)
5. Thu nhập khác			-	72.604.167
II. Chi phí	30		(11.133.472.287)	(10.494.058.540)
1. Phí quản lý quỹ	31	10	(9.109.360.909)	(8.329.584.426)
2. Phí giám sát và phí lưu ký	32	10	(373.483.799)	(341.512.963)
3. Phí hợp và đại hội của quỹ	33		(466.119.826)	(451.886.389)
4. Phí kiểm toán	34		(321.970.000)	(323.654.540)
6. Các chi phí khác	38		(862.537.753)	(1.047.420.222)
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm	50		25.142.828	(12.745.817.156)
B/ Xác định kết quả chưa thực hiện				
I. Thu nhập	60		76.041.016.751	-
1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	61		76.041.016.751	-

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential

B02-QĐT

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
II. Chi phí	70		-	(25.572.993.460)
1. Chênh lệch lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	71		-	(25.572.993.460)
III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm	80		76.041.016.751	(25.572.993.460)
Kết quả hoạt động ròng trong năm	90		76.066.159.579	(38.318.810.616)
Lãi/(lỗ) trên một chứng chỉ quỹ		11	1.521	(766)

Ngân hàng Giám sát
 PHÒNG NGHIỆP VỤ
 NGÂN HÀNG
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
 (VIỆT NAM)
 S.G.P. : 25 - Đ. T. N. Q.
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Thành Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
 Trưởng phòng Giao dịch
 Quản lý Quỹ

Quyền Tổng Giám đốc

Phan Trinh Trúc
 Phan Trinh Trúc

Nguyễn Tuấn Ân
 Nguyễn Tuấn Ân

CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 QUẢN LÝ QUỸ
EASTSPRING
 INVESTMENTS
 S.G.P. : 25 - Đ. T. N. Q.
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B05-QĐT

Chỉ tiêu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Tiền	50.642.280.795	38.988.225.635
2. Các khoản đầu tư	415.200.186.450	348.418.361.476
2.1 Trái phiếu	167.149.692.650	158.132.659.376
2.2 Cổ phiếu	247.925.191.300	190.285.702.100
2.2.1 Cổ phiếu niêm yết	247.925.191.300	180.423.402.100
2.2.2 Cổ phiếu chưa niêm yết	-	9.862.300.000
2.3 Quyền mua cổ phiếu	125.302.500	-
3. Cổ tức được nhận	274.750.800	867.610.000
4. Tiền lãi được nhận	9.835.541.020	10.033.186.740
5. Phải thu từ các hoạt động đầu tư	127.529.643	-
Tổng tài sản	476.080.288.708	398.307.383.851
6. Phải trả hoạt động đầu tư	1.539.741.118	-
7. Các khoản phải trả khác	1.246.297.322	1.079.293.162
7.1 Phí quản lý quỹ	790.194.738	663.197.465
7.2 Phí giám sát và phí lưu kí	32.397.984	27.191.097
7.3 Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000
7.4 Cổ tức cho nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000
7.5 Phải trả khác và chi phí trích trước	49.629.600	14.829.600
Tổng nợ phải trả	2.786.038.440	1.079.293.162
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	473.294.250.268	397.228.090.689
Tổng số chứng chỉ quỹ (chứng chỉ)	50.000.000	50.000.000
Giá trị của một chứng chỉ quỹ	9.466	7.945

Ngân hàng Giám sát

Lê Thị Thanh Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ
 KT. Kế toán trưởng
 Trưởng phòng Giao dịch
 Quản lý Quỹ

Phan Trinh Trúc
 Quyền Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Thân Ân

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential

B06-QĐT

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

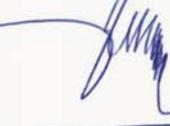
Chỉ tiêu	2012 VND	2011 VND
I. Giá trị tài sản ròng đầu năm	397.228.090.689	435.546.901.305
II. Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	76.066.159.579	(38.318.810.616)
<i>trong đó:</i> Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	76.066.159.579	(38.318.810.616)
III. Giá trị tài sản ròng cuối năm	473.294.250.268	397.228.090.689

Ngân hàng Giám sát


Lê Thị Thành Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
 Trưởng phòng Giao dịch
 Quản lý Quỹ


 Phan Trinh Trúc

Quyền Tổng Giám đốc


Nguyễn Tuấn Thân Ân

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2012 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I – Cổ phiếu niêm yết				
Công ty CP nhựa Bình Minh	67.226	44.500	2.991.557.000	0,63%
Tập đoàn Bảo Việt	239.032	38.400	9.178.828.800	1,93%
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	40.900	23.300	952.970.000	0,20%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	86.584	23.200	2.008.748.800	0,42%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	132.429	20.700	2.741.280.300	0,58%
Công ty CP Dược Hậu Giang	8.192	73.000	598.016.000	0,13%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	208.722	12.800	2.671.641.600	0,56%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	414.850	35.800	14.851.630.000	3,12%
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	89.350	25.700	2.296.295.000	0,48%
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	254.783	15.700	4.000.093.100	0,84%
Công ty Cổ phần FPT	448.532	35.200	15.788.326.400	3,32%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	560.200	38.600	21.623.720.000	4,54%
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	361.905	21.600	7.817.148.000	1,64%
Công ty Cổ phần Chứng khoán TP HCM	318.050	21.600	6.869.880.000	1,44%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	223.796	21.000	4.699.716.000	0,99%
Tập đoàn Hoa Sen	230.680	19.200	4.429.056.000	0,93%
Công ty Cổ phần Hùng Vương	55.148	23.300	1.284.948.400	0,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà	1.037.300	8.100	8.402.130.000	1,76%
Công ty Cổ phần Kinh Đô	17.000	40.000	680.000.000	0,14%
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	96.800	9.000	871.200.000	0,18%
Ngân hàng TMCP Quân đội	942.620	12.500	11.782.750.000	2,47%
CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	34.000	29.800	1.013.200.000	0,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	185.750	102.000	18.946.500.000	3,98%
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	113.820	34.600	3.938.172.000	0,83%
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	186.063	37.500	6.977.362.500	1,47%
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh (“REE”)	405.170	16.600	6.725.822.000	1,41%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	359.650	16.300	5.862.295.000	1,23%

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2012 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	811.122	27.200	22.062.518.400	4,63%
Công ty CP Vincom	125.985	80.000	10.078.800.000	2,12%
Công ty CP Sữa Việt Nam	490.947	88.000	43.203.336.000	9,07%
Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang	42.000	18.400	772.800.000	0,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	109.800	7.400	812.520.000	0,17%
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	35.300	28.100	991.930.000	0,21%
Tổng	8.733.706		247.925.191.300	52,08%
II – Trái phiếu				
Trái phiếu chính phủ (23/10/2013)	200.000	120.405	24.080.922.650	5,06%
Trái phiếu chính phủ (14/06/2016)	1.300.000	110.053	143.068.770.000	30,05%
Tổng	1.500.000		167.149.692.650	35,11%
III – Quyền				
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.002.420	125	125.302.500	0,03%

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

B07-QĐT

Loại	Số lượng	Giá trị thị trường một đơn vị tại ngày 31/12/2012 VND	Tổng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ% tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
IV – Tài sản khác				
Tiền lãi được nhận			9.835.541.020	2,07%
Cổ tức được nhận			274.750.800	0,06%
Phải thu khác			127.529.643	0,03%
Tổng			10.237.821.463	2,15%
V – Tiền				
Tiền gửi ngân hàng			50.642.280.795	10,64%
Tổng			50.642.280.795	10,64%
VI – Tổng cộng			476.080.288.708	100,00%

Ngân hàng Giám sát
 PHÒNG NGHIỆP VỤ
 NGÂN HÀNG
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
 (VIỆT NAM)
Lê Thị Thành Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
 Trưởng phòng Giao dịch
 Quản lý Quỹ

Quyền Tổng Giám đốc


 Phan Trinh Trúc


 Nguyễn Tuấn Thân Ân

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin cơ bản

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng theo Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng số 02/UBCK-GPQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006. Theo qui định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 50.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng/chứng chỉ quỹ.

Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ Đầu tư số 06/UBCK-ĐKQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2006.

Quỹ được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ quỹ số 02/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2006, theo đó chứng chỉ quỹ được phép niêm yết và giao dịch với mã chứng khoán là PRUBF1.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”), một công ty được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (“Ngân hàng Giám sát”).

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là đầu tư vào một danh mục đầu tư cân bằng có khả năng tạo nguồn thu nhập ổn định đồng thời nâng cao giá trị vốn cho nhà đầu tư. Danh mục đầu tư có thể bao gồm các công cụ nợ và cổ phiếu của các công ty hoạt động tại Việt Nam theo các qui định về chiến lược đầu tư trong điều lệ của Quỹ.

Cho đến ngày ký báo cáo này, Công ty Quản lý Quỹ đang chuẩn bị mọi thủ tục pháp lý cho việc đóng Quỹ vào đúng thời hạn vào ngày 5 tháng 10 năm 2013, tuy nhiên việc gia hạn thêm thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được trình Đại Hội Nhà đầu tư chính thức thông qua trong kỳ họp vào cuối tháng 3 năm 2013.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những vấn đề được trình bày ở Thuyết minh 3(e).

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Giả định hoạt động liên tục

Cho đến ngày ký Báo cáo này, Công ty Quản lý Quỹ đang chuẩn bị mọi thủ tục pháp lý cho việc đóng Quỹ vào đúng thời hạn vào ngày 5 tháng 10 năm 2013, tuy nhiên việc gia hạn thêm thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được trình Đại Hội nhà Đầu tư chính thức thông qua trong kỳ họp vào cuối tháng 3 năm 2013. Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày với giả định Quỹ sẽ không tiếp tục hoạt động liên tục.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("CMKT 10") – Ảnh hưởng của việc Thay đổi Tỷ giá Hối đoái.

(c) Hệ thống lưu trữ kế toán

Hệ thống lưu trữ kế toán đã đăng ký của Quỹ là Hệ thống Nhật ký Sổ cái.

(d) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn.

(e) Các khoản đầu tư

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

Quỹ không tham gia hàng ngày vào việc hoạch định tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh này, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007 về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quỹ phải đánh giá lại các khoản đầu tư vào cuối kỳ báo cáo theo giá trị hợp lý. Quỹ đã áp dụng các chính sách kế toán sau đây để ghi nhận và đánh giá các khoản đầu tư:

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Sau ghi nhận ban đầu, tất cả các khoản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi hay lỗ do thay đổi giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động chưa thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có giao dịch trên thị trường niêm yết được xác định dựa vào giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Một số khoản mục đầu tư của Quỹ có giao dịch trên thị trường chứng khoán phi tập trung, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định dựa vào giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán do ba tổ chức độc lập cung cấp. Khi giá giao dịch không thể được cung cấp từ ba tổ chức độc lập, giá trị hợp lý sẽ được đánh giá dựa trên các mô hình định giá phù hợp theo Điều lệ quỹ. Trái phiếu nếu được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường sẽ được đánh giá dựa trên các mô hình định giá trái phiếu phù hợp.

Các chính sách ghi nhận và đánh giá này tuân theo điều lệ của Quỹ và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007.

(f) Khoản phải thu

Khoản phải thu từ hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Khoản phải trả

Khoản phải trả liên quan đến hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Quản lý Quỹ đã đánh giá ảnh hưởng của việc đóng Quỹ vào tháng 10 năm 2013 và kết luận rằng lập thêm dự phòng cho việc đóng Quỹ là không cần thiết.

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(j) Thuế

Theo các qui định hiện hành của Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư Quỹ phải tuân thủ về quy định nộp thuế theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 và Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Bộ Tài Chính ban hành.

(k) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn ghi nhận cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Quỹ được xác lập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch mua bán chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(l) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua của khoản đầu tư đó. Chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu được từ giao dịch này.

(m) Vốn góp

Các đơn vị của Quỹ được phân loại như vốn chủ sở hữu.

(n) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ đã phát hành tại ngày báo cáo. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

(o) Lãi trên mỗi chứng chỉ quỹ

Quỹ trình bày lãi cơ bản trên mỗi chứng chỉ quỹ cho các chứng chỉ quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia lãi hoặc lỗ của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ bình quân trong năm.

(p) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(q) Các bên liên quan với Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan của Quỹ.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư, theo quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về hệ thống kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, nếu không được trình bày trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền gửi ngân hàng

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	19.506.995.839	933.118.995
Tiền gửi có kỳ hạn	31.135.284.956	38.055.106.640
	50.642.280.795	38.988.225.635

Kỳ hạn và lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn chưa đến hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Kỳ hạn	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	8,0%	33 ngày	16.120.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,0%	91 ngày	7.015.284.956
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	8,5%	91 ngày	8.000.000.000
				31.135.284.956

5. Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư sau được dùng cho mục đích kinh doanh:

	Số lượng	31/12/2012 VND
Công cụ vốn chủ sở hữu		
- cổ phiếu niêm yết	8.733.706	247.925.191.300
Công cụ nợ		
- trái phiếu	1.500.000	167.149.692.650
Các công cụ khác		
- quyền mua cổ phiếu	1.002.420	125.302.500
		415.200.186.450

Giá trị ghi sổ của các công cụ nợ thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa. Không có tài sản thế chấp từ các tổ chức phát hành công nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi tiết của các khoản đầu tư chứng khoán như sau:

	Nguyên giá VND	Lãi đánh giá lại VND	Giá trị hợp lý tại 31/12/2012 VND
Công cụ vốn chủ sở hữu ngoài khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết, và các công ty liên doanh			
- chứng khoán kinh doanh	233.647.639.171	14.277.552.129	247.925.191.300
Công cụ nợ			
- chứng khoán kinh doanh	154.858.769.693	12.290.922.957	167.149.692.650
Các công cụ khác			
- quyền mua cổ phiếu	-	125.302.500	125.302.500
	388.506.408.864	26.693.777.586	415.200.186.450

6. Phải thu từ các hoạt động đầu tư

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi trái phiếu phải thu	9.613.698.630	9.991.579.304
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	221.842.390	41.607.436
Cổ tức	274.750.800	867.610.000
Phải thu tiền bán chứng khoán (*)	127.529.643	-
	10.237.821.463	10.900.796.740

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Không có nợ quá hạn đối với những khoản còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty Quản lý Quỹ tin tưởng rằng, không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(*) Phải thu tiền bán chứng khoán phản ánh khoản phải thu từ việc bán cổ phiếu niêm yết sẽ được thu sau ba ngày làm việc tính từ ngày bán (T+3) theo quy định kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Phải trả cho hoạt động đầu tư

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán (*)	1.539.741.118	-

(*) Phải trả tiền mua chứng khoán phản ánh khoản phải trả cho việc mua cổ phiếu niêm yết và được trả sau hai ngày làm việc tính từ ngày mua (T+2) theo các quy định kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

8. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	790.194.738	663.197.465
Phí giám sát và phí lưu ký phải trả cho Ngân hàng Giám sát	32.397.984	27.191.097
	822.592.722	690.388.562

9. Vốn góp của các nhà đầu tư

Theo Giấy phép Phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư ra công chúng số 02/UBCK- GPQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 19 tháng 7 năm 2006, Quỹ được phép phát hành 50.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng/chứng chỉ quỹ. Vốn được duyệt của Quỹ là 500 tỷ Đồng đã được các nhà đầu tư góp đủ trong năm 2006. Thặng dư vốn không phát sinh bởi vì các chứng chỉ quỹ được phát hành theo mệnh giá.

Tất cả các chứng chỉ quỹ có quyền như nhau liên quan đến quyền bỏ phiếu, cổ tức hay bất kỳ quyền lợi nào khác. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp vốn đầy đủ sẽ được hưởng cổ tức khi Quỹ công bố và mang một quyền bỏ phiếu.

Không có giao dịch liên quan đến vốn được duyệt và thặng dư vốn phát sinh trong các năm 2012 và 2011.

10. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Quản lý Quỹ

Theo Hợp đồng Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ nhận một khoản phí quản lý quỹ hàng tháng bằng 2%/12 tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá cuối cùng của tháng.

Phí quản lý phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Phí quản lý	9.109.360.909	8.329.584.426

Công ty Quản lý Quỹ cũng được nhận khoản thưởng hoạt động liên quan đến bất kỳ năm tài chính nào nếu (i) giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ vào cuối năm đó vượt quá mệnh giá (10.000 Đồng) và (ii) kết quả hoạt động của Quỹ trong năm đó vượt quá một mức đã được xác định trước như là đã định nghĩa trong điều lệ của Quỹ và được Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.

Công ty Quản lý Quỹ không được hưởng khoản thưởng hoạt động từ Quỹ trong năm 2012 (2011: Không) do không thỏa các điều kiện cần thiết.

Xem Thuyết minh số 8 của báo cáo tài chính này để biết số phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Quỹ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và phí lưu ký hàng tháng bằng 0,08%/12 tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá cuối cùng của tháng.

Theo công văn số 12354/BTD-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 10%.

Tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng Giám sát liên quan đến phí giám sát và phí lưu ký là:

	2012	2011
	VND	VND
Phí giám sát và phí lưu ký	373.483.799	341.512.963

Xem Thuyết minh số 8 của báo cáo tài chính này để biết số phải trả cho Ngân hàng Giám sát.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential**B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Ban Đại diện Quỹ**

Chủ tịch và mỗi thành viên của Ban Đại diện Quỹ được nhận phụ cấp hàng tháng lần lượt tương đương 5 triệu Đồng và 3 triệu Đồng. Tổng số phụ cấp đã trả trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Ông Đinh Bá Thành	60.000.000	60.000.000
Ông Lương Quang Hiền	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Trường Giang	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Bé	36.000.000	36.000.000

Tại ngày 22 tháng 2 năm 2013 số lượng chứng chỉ quỹ do các thành viên của Ban Đại diện Quỹ nắm giữ như sau:

	Số chứng chỉ quỹ
Ông Đinh Bá Thành	550.000

Tại ngày 22 tháng 2 năm 2013 số lượng chứng chỉ quỹ do các tổ chức có các thành viên của Ban Đại diện Quỹ là người đại diện nắm giữ như sau:

Người đại diện	Tên tổ chức	Số chứng chỉ quỹ
Ông Phạm Trường Giang	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Thành phố Hà Nội) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.299.750
Ông Thái Nhị Đức và Ông John Inniss Howell	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	16.850.000
Ông Lương Quang Hiền	Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.040.000
Ông Lê Văn Bé	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	2.000.000

11. Lãi/(lỗ) trên mỗi chứng chỉ quỹ

Lãi cơ bản trên mỗi chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được tính trên cơ sở khoản lãi phát sinh trong năm là 76.066.159.579 Đồng (2011: lỗ thuần là 38.318.810.616 Đồng) và số lượng chứng chỉ quỹ bình quân gia quyền 50.000.000 chứng chỉ quỹ (2011: 50.000.000 chứng chỉ quỹ), được tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lãi/(lỗ) thuần phát sinh thuộc về nhà đầu tư	76.066.159.579	(38.318.810.616)
Số chứng chỉ quỹ bình quân gia quyền (chứng chỉ)	50.000.000	50.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi chứng chỉ quỹ	1.521	(766)

12. Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	(102.771.909.311)	(64.453.098.695)
Lãi/(lỗ) thuần trong năm	76.066.159.579	(38.318.810.616)
Số dư cuối năm	(26.705.749.732)	(102.771.909.311)

13. Cổ tức

Trong năm, Quỹ không công bố và chi trả cổ tức.

14. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

	31/12/2012	31/12/2011
I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	87,21%	87,47%
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	52,08%	47,77%
3. Tỷ lệ cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	52,08%	45,30%
4. Tỷ lệ cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%	2,48%
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	35,11%	39,70%
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,03%	N/A
7. Tỷ lệ tiền/Tổng giá trị tài sản	10,64%	9,79%
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng giá trị tài sản	N/A	N/A
	2012	2011
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	18,32%	(6,99%)
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản	(2,34%)	(2,63%)
II. Các chỉ số thị trường		
	31/12/2012	31/12/2011
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (chứng chỉ)	50.000.000	50.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhân viên Công ty Quản lý Quỹ/Tổng số chứng chỉ quỹ	0,00%	0,00%
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất/Tổng số chứng chỉ quỹ	67,12%	65,60%
4. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài/Tổng số chứng chỉ quỹ	45,01%	41,47%
5. Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ/Tổng số chứng chỉ quỹ	15,61%	10,49%
6. Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ (VND)	9.466	7.945

Thuyết minh: N/A – Không áp dụng

Các chỉ số thị trường 2, 3 và 4 dựa trên số liệu ngày 22 tháng 2 năm 2013 và 14 tháng 2 năm 2012.

15. Quản lý rủi ro tài chính

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, trái phiếu, quyền mua cổ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Ban Quản lý của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của quỹ. Công ty Quản lý Quỹ giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng ngày. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Quản lý của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải chịu tổn thất tài chính do đối tác không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ, dẫn đến lỗ tài chính cho Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tài chính mà Hội đồng Đầu tư đã phê duyệt và Quỹ cho là sẽ không có khoản lỗ nào phát sinh từ việc vi phạm của những tổ chức tài chính này.

Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và trái phiếu của Quỹ chỉ được giao dịch theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên giao dịch có chỉ số tín dụng cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hay chi trả qua Sở Giao dịch hoặc qua nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả được nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ tiền lãi trái phiếu, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu từ bán chứng khoán. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, trái phiếu và quyền mua cổ phiếu. Quỹ đang nắm giữ các trái phiếu chính phủ ngắn hạn và các trái phiếu này được đánh giá là có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường trái phiếu. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có tính thanh khoản cao vì có thể được giao dịch dễ dàng trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Mua chứng khoán chờ thanh toán	1.539.741.118	1.539.741.118	1.539.741.118
Phải trả cho các nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000	52.875.000
Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát	822.592.722	822.592.722	822.592.722
Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000	321.200.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	49.629.600	49.629.600	49.629.600
	2.786.038.440	2.786.038.440	2.786.038.440
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả cho các nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000	52.875.000
Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát	690.388.562	690.388.562	690.388.562
Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000	321.200.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	14.829.600	14.829.600	14.829.600
	1.079.293.162	1.079.293.162	1.079.293.162

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá cả thị trường, như thay đổi về lãi suất và giá thị trường.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ chịu ảnh hưởng bởi các thay đổi tỷ giá hối đoái. Quỹ không chịu rủi ro tiền tệ vì tài sản và công nợ của Quỹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam vốn là đơn vị tiền tệ hạch toán của Quỹ.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại cổ phiếu và trái phiếu.

Quỹ đã đầu tư vào chứng khoán niêm yết, trái phiếu và các quyền mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá trị thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn và phân bổ các cổ phiếu và trái phiếu để đầu tư trong hạn mức được quy định của mô hình đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ chiếm 52,38% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 45,4%). Trong năm 2012, chỉ số chứng khoán Việt Nam có tỷ lệ biến động hàng tháng (không bao gồm cổ tức dưới dạng tiền mặt) dao động trong khoảng từ -9% đến 10% (tương ứng -12% đến 5% trong năm 2011). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giảm 9% khi các biến số khác không đổi, tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm 4,71% và lãi thuần trong năm của Quỹ sẽ giảm 29,33% (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tương ứng tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm 5,4% và lỗ thuần trong năm của Quỹ tăng 56,5% theo biến động của chỉ số năm 2011). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng 10%, tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng 5,24% và lợi nhuận thuần trong năm của Quỹ tăng 32,59% (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tương ứng tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng 2,3% và lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ giảm 23,5% theo biến động của chỉ số năm 2011).

16. Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và các khoản nợ tài chính của Quỹ:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	50.642.280.795	50.642.280.795	38.988.225.635	38.988.225.635
Các khoản đầu tư chứng khoán	415.200.186.450	415.200.186.450	348.418.361.476	348.418.361.476
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	247.925.191.300	247.925.191.300	180.423.402.100	180.423.402.100
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	-	-	9.862.300.000	9.862.300.000
<i>Trái phiếu</i>	167.149.692.650	167.149.692.650	158.132.659.376	158.132.659.376
<i>Quyền mua cổ phiếu</i>	125.302.500	125.302.500	-	-
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	10.237.821.463	10.237.821.463	10.900.796.740	10.900.796.740
	476.080.288.708	476.080.288.708	398.307.383.851	398.307.383.851
Nợ tài chính				
Phải trả cho hoạt động đầu tư	1.539.741.118	1.539.741.118	-	-
Thu nhập phải trả cho nhà đầu tư	52.875.000	52.875.000	52.875.000	52.875.000
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	822.592.722	822.592.722	690.388.562	690.388.562
Phí kiểm toán	321.200.000	321.200.000	321.200.000	321.200.000
Phải trả khác và các khoản trích trước	49.629.600	49.629.600	14.829.600	14.829.600
	2.786.038.440	2.786.038.440	1.079.293.162	1.079.293.162

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết được tính dựa trên giá giao dịch trung bình tại ngày lập bảng cân đối kế toán của ba công ty chứng khoán không phải là bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu nếu được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường sẽ được đánh giá dựa trên các mô hình định giá trái phiếu phù hợp tuân theo điều lệ của Quỹ và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007.
- Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

17. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày 28 tháng 2 năm 2013 giá trị thị trường của các khoản đầu tư của Quỹ đã tăng 37.452.288.100 Đồng đạt 452.652.474.550 Đồng so với giá trị thị trường của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do sự hồi phục chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

	31/12/2012 VND	28/2/2013 VND	Biến động VND
Đầu tư chứng khoán			
Trái phiếu	167.149.692.650	169.287.282.650	2.137.590.000
Cổ phiếu niêm yết	247.925.191.300	283.194.780.500	35.269.589.200
Quyền mua cổ phiếu	125.302.500	170.411.400	45.108.900
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	415.200.186.450	452.652.474.550	37.452.288.100

18. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 11 tháng 3 năm 2013.

Ngân hàng Giám sát



Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Công ty Quản lý Quỹ

KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Giao dịch
Quản lý Quỹ



Phan Trinh Truc

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Thân Ân

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

